

Số 3153/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 1 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh

### TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/02/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014 Quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh;

Căn cứ Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2377/QĐ-TCHQ ngày 24/07/2017 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy định định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và Ngân hàng thương mại trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi thực hiện việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT (2b).

*[Handwritten mark]*

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Dương Thái

## QUY ĐỊNH

**Định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trong Hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 9153/QĐ-TCHQ ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

### Chương 1

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh (sau đây gọi là hệ thống VAT-RS)

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Định dạng thông điệp dữ liệu quy định tại quyết định này áp dụng thống nhất với hệ thống công nghệ thông tin của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS.

### Điều 3. Giải thích các thuật ngữ và khái niệm

#### 1. Giải thích từ ngữ viết tắt

- **TCHQ**: Tổng cục Hải quan;
- **DN**: Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng;
- **VAT**: Thuế giá trị gia tăng.

## 2. Các loại thông điệp dữ liệu

Mã	Tên Thông điệp	Ghi chú	TCHQ gửi cho DN	DN gửi cho TCHQ
101	Thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin hóa đơn	Thông điệp doanh nghiệp gửi đến để cập nhật hóa đơn trên hệ thống		X
102	Thông điệp thêm mới hoặc chỉnh sửa thông tin khách hàng	Doanh nghiệp cập nhật thông tin khách hàng		X
103	Thông điệp thêm mới hoặc chỉnh sửa thông tin hàng hóa	Doanh nghiệp gửi thông tin danh mục hàng hóa		X
105	Thông điệp tra cứu thông tin hóa đơn	Doanh nghiệp tra cứu hóa đơn đã gửi cho Tổng cục Hải quan		X
106	Thông điệp tra cứu đơn vị tính	Doanh nghiệp tra cứu đơn vị tính		X
107	Thông điệp tra cứu thông tin quốc gia	Doanh nghiệp tra cứu mã và tên quốc gia		X
205	Thông điệp trả lời thông tin hóa đơn	Hệ thống trả về kết quả thông tin hóa đơn	X	
206	Thông điệp trả lời kết quả thông tin đơn vị tính	Hệ thống trả về thông tin đơn vị tính	X	
207	Thông điệp trả lời thông tin quốc gia	Hệ thống trả về thông tin Quốc gia	X	
200	Trả lời kết quả của các thông điệp hỏi thành công		X	

Mã	Tên Thông điệp	Ghi chú	TCHQ gửi cho DN	DN gửi cho TCHQ
299	Trả lời kết quả của các thông điệp hỏi có lỗi		X	

### 3. Định dạng dữ liệu trao đổi thông tin

Ngôn ngữ XML được áp dụng để trao đổi thông tin giữa hệ thống thông tin của cơ quan hải quan và hệ thống thông tin của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng.

XML (eXtensible Markup Language - Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng): là một bộ quy luật về cách chia một tài liệu ra làm nhiều phần, rồi đánh dấu và ráp các phần khác nhau lại để dễ nhận diện.

Thành phần của một thông điệp XML: Là một khối tạo thành thông điệp XML bắt đầu bằng 1 thẻ mở, và kết thúc bằng thẻ đóng cùng tên, theo công thức.

Thuộc tính của 1 thành phần: cung cấp thông tin bổ sung về thành phần đó và luôn được đặt bên trong thẻ của thành phần đó.

Một thông điệp XML trao đổi dữ liệu điện tử hệ thống thông tin của cơ quan hải quan và hệ thống thông tin của doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng được gọi là hoàn chỉnh và hợp lệ nếu nó không vi phạm các quy tắc về cú pháp và cấu trúc các thông điệp dữ liệu tại quy định này.

## Chương 2

### QUY TRÌNH TRAO ĐỔI THÔNG TIN

#### Điều 4. Các chức năng của hệ thống

Hệ thống VAT - RS bao gồm các phân hệ sau:

1. Phân hệ doanh nghiệp bán hàng: Dùng cho các doanh nghiệp bán hàng kê khai hóa đơn đã xuất cho khách hàng có nhu cầu hoàn VAT.
2. Phân hệ Hải quan: Dùng cho cán bộ Hải quan cửa khẩu có nhiệm vụ xác nhận hoàn thuế cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
3. Phân hệ trao đổi thông tin với Ngân hàng: Có nhiệm vụ trao đổi thông tin về hóa đơn đã xác nhận hoàn thuế, hóa đơn đã hoàn thuế, tiếp nhận thông tin

hiệu chỉnh hóa đơn, tra cứu tổng hợp số liệu.

4. Phân hệ trao đổi thông tin với Tổng cục Thuế: Có nhiệm vụ trao đổi thông tin doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, Quyết định thanh toán cho Ngân hàng thương mại, số tiền thuế người nước ngoài được hoàn.

#### **Điều 5. Quy trình trao đổi dữ liệu trên hệ thống VAT-RS**

Hệ thống VAT-RS được xây dựng theo mô hình tập trung, được triển khai tập trung tại trung tâm dữ liệu công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan. Quy trình thực hiện cập nhật, tra cứu dữ liệu như sau:

- Bước 1: Sau khi doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế VAT, Tổng cục thuế gửi thông tin của doanh nghiệp cho Tổng cục Hải quan bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, số điện thoại, email, chữ ký số,..

- Bước 2: Tổng cục Hải quan cấp tài khoản cho DN gửi qua địa chỉ email mà DN đã đăng ký;

- Bước 3: DN truy cập vào cổng dịch vụ công của cơ quan hải quan để đăng ký chữ ký số điện tử ( trong trường hợp DN chưa đăng ký chữ ký số điện tử với Tổng cục Thuế);

- Bước 4: Khi khách hàng đến cửa hàng mua hàng hoàn thuế, DN có thể lựa chọn hai phương án để cập nhập hóa đơn:

+ Phương án 1: DN truy cập vào phân hệ doanh nghiệp của hệ thống VAT-RS của cơ quan hải quan qua ứng dụng web (bằng tài khoản đã được cấp) để cập nhật thông tin hóa đơn kiêm tờ khai hoàn VAT vào hệ thống VAT-RS (trường hợp có sai sót, thực hiện sửa, xóa thông tin qua chức năng của hệ thống);

+ Phương án 2: DN cập nhật trực tiếp hóa đơn trên hệ thống của DN. Sau đó truyền thông tin hóa đơn vào hệ thống VAT-RS (thông qua webservice của TCHQ) theo định dạng chuẩn thông điệp được ban hành. Trường hợp có sai sót, thực hiện gửi thông tin đề nghị điều chỉnh tới TCHQ qua hệ thống VAT-RS.

- Bước 5: Khi khách hàng mua hàng hoàn thuế thực hiện việc hoàn thuế tại cơ quan hải quan, cán bộ Hải quan truy cập vào phân hệ hải quan của hệ thống VAT-RS qua ứng dụng web tìm hóa đơn, xác nhận thông tin hàng xuất cảnh trên hệ thống VAT-RS.

- Bước 6: Khi khách hàng mua hàng hoàn thuế thực hiện việc hoàn thuế tại ngân hàng: Ngân hàng kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển; hóa đơn kiêm tờ khai

hoàn thuế; tra cứu trên hệ thống VAT-RS thông tin hóa đơn đã được cán bộ hải quan xác nhận hoàn thuế. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, ngân hàng từ chối hoàn thuế hoặc đồng ý trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài và gửi thông tin tới TCHQ qua hệ thống VAT-RS (thông qua webservice của TCHQ); Trường hợp có sai sót, thực hiện gửi thông tin đề nghị điều chỉnh tới TCHQ qua hệ thống VAT-RS.

- Bước 7: Định kỳ ngân hàng gửi thông tin yêu cầu đối chiếu kết quả hoàn thuế với cơ quan Hải quan (thông qua webservice của TCHQ). Hệ thống VAT-RS sẽ kiểm tra và trả về kết quả đối chiếu giao dịch theo yêu cầu.

### **Chương 3**

## **HỆ THỐNG THÔNG TIN**

### **Điều 6. Điều kiện kết nối, trao đổi thông tin**

Việc kết nối, trao đổi thông tin giữa hệ thống VAT-RS và hệ thống thông tin của các DN tuân theo quy định tại điều 6 Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014 của Bộ Tài chính và khoản 3 điều 1 Thông tư 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính.

Việc kết nối, trao đổi thông tin phải sử dụng chữ ký số theo điểm đ khoản 2 điều 1 Thông tư 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019

### **Điều 7. Kết nối và dừng kết nối, trao đổi thông tin**

Trong trường hợp DN yêu cầu kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan có văn bản gửi theo mẫu phụ lục I của Quy định này.

Cơ quan Hải quan sẽ dừng kết nối, trao đổi thông tin trên hệ thống VAT-RS khi DN vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng (quy định tại Điều 14 Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014 của Bộ Tài chính, Điều 10 Thông tư 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính).

Trường hợp DN chủ động đề nghị dừng kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của hải quan, DN có văn bản đề nghị dừng kết nối trao đổi thông tin tới TCHQ (theo mẫu tại phụ lục II của Quy chế này).

### **Điều 8. Thông điệp dữ liệu**

1. Các thông điệp dữ liệu trao đổi giữa hệ thống VAT-RS và hệ thống thông tin của các DN dưới dạng XML. Định dạng dữ liệu cho các chỉ tiêu thông tin trong thông điệp dữ liệu trao đổi được quy định tại phụ lục III của Quy định

này.

2. Các thông điệp dữ liệu trao đổi giữa TCHQ và DN phải được ký số.

3. Thời gian trễ của mỗi giao dịch truyền nhận thông điệp dữ liệu được tham số hóa để có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu giao dịch. Nếu quá thời gian trễ mà không có phản hồi thì thông điệp dữ liệu đó sẽ được hủy và thực hiện gửi lại.

#### **Điều 9. Gửi, nhận lại thông điệp dữ liệu**

Thông điệp dữ liệu được gửi, nhận lại trong các trường hợp:

- Do sự cố kỹ thuật hoặc lần gửi, nhận trước chưa thành công;
- Gửi lại theo yêu cầu của bên nhận (được xác nhận bằng thông điệp có chữ ký số của người có thẩm quyền). Ghi nhật ký các thông điệp dữ liệu.

Quá trình xử lý các thông điệp dữ liệu được hệ thống thông tin của cơ quan Hải quan và hệ thống thông tin của các DN tự động ghi lại trong cơ sở dữ liệu của TCHQ. Định kỳ, các dữ liệu này được lưu trữ ra các thiết bị lưu trữ (băng từ, SAN, ...) và được bảo quản theo chế độ quy định như đối với việc bảo quản chứng từ điện tử.

#### **Điều 10. Bảo quản, lưu trữ dữ liệu điện tử**

Lưu trữ dữ liệu điện tử về việc hoàn thuế giá trị gia tăng qua DN bằng phương thức điện tử đảm bảo:

1. Tính an toàn bảo mật, toàn vẹn, đầy đủ, không bị thay đổi, sai lệch, kịp thời và hợp pháp của chứng từ điện tử trong suốt thời gian lưu trữ;
2. Lưu trữ đúng và đủ thời hạn đối với từng loại chứng từ theo các quy định của pháp luật.
3. In được ra giấy hoặc tra cứu được khi có yêu cầu.

#### **Điều 11. Giải pháp bảo mật**

Giải pháp bảo mật về đường truyền, thông điệp dữ liệu, cặp khóa giữa hệ thống thông tin của cơ quan hải quan và hệ thống thông tin của các DN được thực hiện theo các quy định hiện hành về an ninh an toàn thông tin.

### **Chương 4**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12: Trách nhiệm của Cục Thuế xuất nhập khẩu**

1. Tham mưu trong việc cải tiến, hoàn thiện các quy định về chính sách



hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh;

2. Sử dụng hệ thống VAT-RS phục vụ công tác thống kê, quản lý;
3. Phối hợp với Cục CNTT & Thống kê Hải quan xử lý những vấn đề vướng mắc phát sinh về nghiệp vụ trong quá trình vận hành hệ thống.

**Điều 13. Trách nhiệm của Cục CNTT & Thống kê Hải quan**

1. Chủ trì trong xây dựng, nâng cấp, vận hành hệ thống VAT-RS;
2. Trực tiếp đảm bảo kỹ thuật, hoạt động của hệ thống VAT-RS;
3. Xây dựng, thiết kế, kết xuất dữ liệu theo các biểu mẫu theo đề nghị của Cục Thuế xuất nhập khẩu;
4. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị khai thác và sử dụng dữ liệu trên hệ thống VAT-RS.

**Điều 14. Trách nhiệm của Cục Hải quan các tỉnh thành phố nơi thực hiện việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài**

1. Tổ chức thực hiện vận hành hệ thống VAT-RS triển khai tại đơn vị đúng quy định.
2. Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin đã cung cấp và xử lý trong quá trình trao đổi với hệ thống thông tin của các DN.

**Điều 15. Trách nhiệm của DN**

1. Cập nhật thông tin hóa đơn đầy đủ, kịp thời. Đảm bảo tính chính xác của các thông tin đã cung cấp cho cơ quan quản lý thuế;
2. Trường hợp có thay đổi về thông tin chữ ký số, DN thực hiện cập nhật thông tin tại địa chỉ [tongcuc.customs.gov.vn](http://tongcuc.customs.gov.vn) và chọn chức năng **Dịch vụ công trực tuyến ->Đăng ký hoàn thuế**.

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Tổng cục Hải quan xem xét, giải quyết. /.



**PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2153 / QĐ-TCHQ ngày 3 tháng 1 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

STT	Tên biểu Mẫu
1	Mẫu 1: Văn bản đề nghị kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan
2	Mẫu 2: Văn bản đề nghị dừng kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan

*Mẫu 1*

**TÊN DOANH NGHIỆP** ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:  
 V/v đề nghị kết nối trao đổi thông  
 tin với hệ thống VAT-RS của  
 Tổng cục Hải quan

....., Ngày tháng năm ...

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị được kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải  
 quan

Ngày dự kiến kiểm thử kết nối:

Ngày dự kiến kết nối chính thức:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, đóng dấu)

*Mẫu 2*

**TÊN DOANH NGHIỆP** ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:  
 V/v đề nghị dừng kết nối trao đổi  
 thông tin với hệ thống VAT-RS  
 của Tổng cục Hải quan

....., Ngày tháng năm ...

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị được dừng kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan

Ngày dự kiến dừng kết nối:

Lý do:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, đóng dấu)

## Phụ lục

# CHUẨN THÔNG ĐIỆP TRAO ĐỔI THÔNG TIN QUA HỆ THỐNG VAT- RS GIỮA TỔNG CỤC HẢI QUAN VÀ DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-TCHQ ngày 3/1/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)



### 1. Kiểu dữ liệu:

- a: chữ cái (Ascii)
- A: chữ cái viết hoa (Ascii)
- u: chữ cái unicode (utf-8)
- U: chữ cái unicode viết hoa (utf-8)
- n: chữ số
- an: xâu ký tự bao gồm cả chữ cái (Ascii) và chữ số
- aX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái (Ascii) có độ dài X ký tự
- An: Xâu ký tự bao gồm chữ cái viết hoa (Ascii) và chữ số
- AX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái viết hoa (Ascii) có độ dài X ký tự
- un: xâu ký tự bao gồm cả chữ cái unicode (utf-8) và chữ số
- uX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái unicode (utf-8) có độ dài X ký tự
- Un: xâu ký tự bao gồm cả chữ cái unicode viết hoa (utf-8) và chữ số
- aX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái (Ascii) có độ dài X ký tự
- a..X: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái có độ dài tối đa X ký tự
- nX: số có độ dài X chữ số
- n..X: số có độ dài tối đa X chữ số
- n..X,Y: số có độ dài tối đa X chữ số, trong đó có tối đa Y chữ số thập phân

### 2. Loại thông điệp:

101	Thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin hóa đơn
102	Thông điệp thêm mới hoặc chỉnh sửa thông tin khách hàng
103	Thông điệp thêm mới hoặc chỉnh sửa thông tin hàng hóa
105	Thông điệp tra cứu thông tin hóa đơn
106	Thông điệp tra cứu đơn vị tính
107	Thông điệp tra cứu thông tin quốc gia
205	Thông điệp trả lời thông tin hóa đơn
206	Thông điệp trả lời kết quả thông tin đơn vị tính
207	Thông điệp trả lời thông tin quốc gia
200	Trả lời kết quả của các thông điệp hỏi thành công
299	Trả lời kết quả của các thông điệp hỏi có lỗi

**Lưu ý:** Các thông tin được tham chiếu cần được thêm vào cơ sở dữ liệu trước khi thêm thông tin tham chiếu

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
M101	THÔNG ĐIỆN THÊM MỚI HOẶC HIỆU CHỈNH THÔNG TIN HOÁ ĐƠN												
<b>Mô tả thông điệp:</b>													
- Chức năng thông điệp: Thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin hóa đơn													
- Thông điệp hỏi: Message Type = 101;													
- Thông điệp trả lời: Message Type = 200; ErrorCode= 0;													
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode < 0;													
Customs								1-1		x	None		
	<b>Header</b>							1-1	String	x	None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..15	Mã cửa hàng	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M101)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime		an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
	<b>Data</b>							1-1				None	
		Loai_Xuly						1-1	Number	x	n1	Loại xử lý	0- Thêm mới hóa đơn; 1-Hiệu chỉnh thông tin hóa đơn
		So_Hoadon						1-1	String	x	an..15	Số hóa đơn	
		Mau_So						1-1	String	x	an..10	Mẫu số hóa đơn	
		Ky_Hieu						1-1	String	x	an..10	Ký hiệu hóa đơn	
		Quyên						1-1	String	x	an..10	Quyên hóa đơn	
		Ngay_Lap						1-1	DateTime	x	an10	Ngày lập hóa đơn	YYYY-MM-DD
		So_Hochieu						1-1	String	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
		Ma_Quocgia						1-1	String	x	un..255	Mã quốc gia của khách hàng	Tham chiếu đến Danh mục quốc gia (lấy từ thông điệp Tra cứu thông tin quốc gia M107)
		Nguoi_Daidien						1-1	String	x	un..255	Người đại diện cửa hàng bán hàng hoàn thuế	
		<b>Detail</b>						1-n		x	None		
			STT					1-1	Number	x	n..2	Số thứ tự hàng hóa trong	
			Ma_Hang					1-1	String	x	an..50	Mã hàng hóa	
			So_Luong					1-1	Number	x	n..10	Số lượng	
			Don_Gia					1-1	String	x	n..15	Đơn giá	
			Tong_TienHang					1-1	Number	x	n..15	Thành tiền chưa thuế	
			Thue_Suat					1-1	Number	x	n..2	Thuế suất (Bảng 5: 5%,	
			Tien_Thue					1-1	Number	x	n..15	Tiền thuế VAT	
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None		
		SignedInfo						1-1	String	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	String	x	None		
				Transforms				1-1	String	x	None		
					Transform			1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
					DigestMethod			1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
					DigestValue			1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	String	x	None		
			X509Data					1-1	String	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	String	x	None		
				X509IssuerNa				1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
					X509SerialNu			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
					X509Certificate			1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64



Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
<b>M102 THÔNG ĐIỆP THÊM MỚI HOẶC HIỆU CHỈNH THÔNG TIN KHÁCH HÀNG</b>													

**Mô tả thông điệp:**

- Chức năng thông điệp: Thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin khách hàng
- Thông điệp hỏi: Message Type = 102;
- Thông điệp trả lời: Message Type = 200; ErrorCode= 0;
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode <> 0;

Customs								1-1	String		None		
	<b>Header</b>							1-1	String		None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..15	Mã cửa hàng	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M102)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime		an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DDThh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
	<b>Data</b>							1-1		x	None		
		Loai_Xuly						1-1	Number	x	n1	Loại xử lý	0- Thêm mới ; 1-Hiệu chỉnh thông tin
		Khach_Hang						1-n		x	None		
			Ma_Khachhang					1-1	String		an..10	Mã số khách hàng	
			Ten_Khachhang					1-1	String	x	un..255	Họ và tên khách hàng	
			So_Hochieu					1-1	String	x	n..50	Số hộ chiếu	
			Ngay_Cap					1-1	Datetime	x	an19	Ngày cấp hộ chiếu	YYYY-MM-DD
			Ngay_Hethan					1-1	Datetime	x	n..2	Hiệu lực hộ chiếu đến ngày	YYYY-MM-DD

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8							
			Ma_Quocgia					1-1	Number	x	an..10	Mã quốc gia của khách hàng	Tham chiếu đến danh mục Quốc gia (lấy từ thông điệp tra cứu Danh mục quốc gia M107)	
			Gioi_Tinh					1-1	String	x	n..2	Giới tính		
			Ngay_Sinh					1-1	Datetime	x	an19	Ngày sinh	YYYY-MM-DD	
			Noi_Sinh					1-1	String		un..255	Nơi sinh		
			So_Cmnd					1-1	String		n..20	Số chứng minh nhân dân		
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None			
		SignedInfo							1-1	String	x	None		
		CanonicalizationMethod							1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
		SignatureMethod							1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
		Reference							1-1	String	x	None		
			Transforms						1-1	String	x	None		
				Transform				1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp		
			DigestMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2	
			DigestValue					1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64	
		SignatureValue							1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo							1-1	String	x	None		
		X509Data							1-1	String	x	None		
		X509IssuerSerial							1-1	String	x	None		

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
					X509IssuerName			1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
					X509SerialNumb			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
M103	<b>THÔNG ĐIỆP THÊM MỚI HOẶC HIỆU CHỈNH THÔNG TIN HÀNG HÓA</b>												
<b>Mô tả thông điệp:</b>													
- Chức năng thông điệp: Trả lời thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin hàng hóa													
- Thông điệp hỏi: Message Type = 104;													
- Thông điệp trả lời: Message Type = 200; ErrorCode= 0;													
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode <> 0;													
<b>Customs</b>								1-1	String		None		
	<b>Header</b>							1-1	String		None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..15	Mã cửa hàng	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M103)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime		an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
	<b>Data</b>							1-1		x	None		
		Loai_Xuly						1-1	Number	x	n1	Loại xử lý	0- Thêm mới ; 1-Hiệu chỉnh thông tin
		Hang_Hoa						1-n		x	None		
			Ma_Hang					1-1	String	x	an..10	Mã hàng hóa	
			Ten_Hang					1-1	String	x	un..255	Tên hàng hóa	
			Ma_DVT					1-1	String	x	an..10	Mã đơn vị tính	Tham chiếu đến danh mục đơn vị tính (lấy từ thông điệp Tra cứu Danh mục đơn vị tính M106)
			Don_Gia					1-1	Number	x	n..15	Đơn giá	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
			Thuế Suat					1-1	Number	x	n..2	Thuế suất VAT	
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None		
		SignedInfo						1-1	String	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	String	x	None		
				Transforms				1-1	String	x	None		
					Transform			1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod				1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng <b>SHA2</b>	
				DigestValue				1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	String	x	None		
		X509Data						1-1	String	x	None		
			X509IssuerSerial					1-1	String	x	None		
				X509IssuerName				1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
			X509Certificate					1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8							
M105	THÔNG điệp TRA CỨU THÔNG TIN HOÁ ĐƠN													
<b>Mô tả thông điệp:</b>														
- Chức năng thông điệp: Thông điệp tra cứu thông tin hóa đơn														
- Thông điệp hỏi: Message Type = 105;														
- Thông điệp trả lời: Message Type = 205; ErrorCode= 0;														
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode <> 0;														
Customs								1-1	String		None			
	<b>Header</b>							1-1	String		None			
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)		
		Sender_Code						1-1	String	x	an..15	Mã cửa hàng		
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng		
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M105)		
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp		
		Transaction_Date						1-1	DateTime		an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss	
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch		
	<b>Data</b>							1-1		x	None			
		So_Hoadon						1-1	String	x	an..15	Số hóa đơn		
		Ky_Hieu						1-1	String	x	an..10	Ký hiệu hóa đơn		
		So_Hochieu						1-1	String	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng		
		Ma_Quocgia						1-1	String	x	un..50	Mã quốc gia của khách hàng		
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None			
		SignedInfo						1-1	String	x	None			
			CanonicalizationMethod					1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu		
			SignatureMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số		
			Reference					1-1	String	x	None			
			Transforms					1-1	String	x	None			
				Transform				1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp		
			DigestMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
				DigestValue				1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	String	x	None		
		X509Data						1-1	String	x	None		
		X509IssuerSerial						1-1	String	x	None		
		X509IssuerName						1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
		X509SerialNumber						1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
		X509Certificate						1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64
Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						

**M205 TRẢ LỜI KẾT QUẢ TRA CỨU THÔNG TIN VỀ HÓA ĐƠN**

**Mô tả thông điệp:**

- Chức năng thông điệp: Trả lời kết quả thông điệp tra cứu thông tin hóa đơn
- Thông điệp hỏi: Message Type = 105;
- Thông điệp trả lời: Message Type = 205; ErrorCode= 0;
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode < 0;

<b>Customs</b>								1-1	String	x	None		
	<b>Header</b>							1-1	String	x	None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..6	Mã hải quan	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên hải quan	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M205)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
		Request_ID						1-1	String	x	an..40	Số tham chiếu của giao dịch hỏi	
	<b>Data</b>							1-1	String		None		

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
		Mau_So						1-1	String	x	an..50	Mẫu số	
		So_Hoadon						1-1	String	x	an..15	Số hóa đơn	
		Quyen						1-1	String	x	an..3	Quyền hóa đơn	
		Ky_Hieu						1-1	String	x	an..12	Ký hiệu hóa đơn	
		Ngay_Lap						1-1	DateTime	x	An10	Ngày lập Hóa đơn	YYYY-MM-DD
		MS_Thue						1-1	String	x	an..13	Mã số thuế cửa hàng	
		Ten_Cuahang						1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng bán hàng	
		Diachi_Cuahang						1-1	String	x	un..255	Địa chỉ Cửa hàng	
		Nguoi_Daidien_CuaHang						1-1	String	x	un..255	Tên Người đại diện bán hàng	
		Ten_Khachhang						1-1	String	x	un..255	Tên khách hàng	
		So_Hochieu						1-1	String	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng	
		Ngaycap_Hochieu						1-1	DateTime	x	An10	Ngày cấp hộ chiếu	YYYY-MM-DD
		Quoc_tich						1-1	String	x	un..50	Quốc tịch của khách hàng	
		Ngay_Xacnhan						1-1	DateTime	x	An10	Ngày xác nhận hóa đơn	YYYY-MM-DD
		Tong_Tienhang						1-1	Number	x	n..15	Tổng giá trị hóa đơn trước thuế	
		Tong_ThueVAT						1-1	Number	x	n..15	Giá trị tiền thuế	
		Tong_TienTT						1-1	Number	x	n..15	Tổng giá trị hóa đơn sau thuế	
		Sotien_Thuctehoan						1-1	Number	x	n..15	Số tiền thuế thực tế đã hoàn	
		Ngay_Hoanthue						1-1	DateTime	x	An10	Ngày hoàn thuế thực tế	YYYY-MM-DD
		Kyhieu_Chungtu						1-1	String	x	an..12	Ký hiệu chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
		So_Chungtu						1-1	String	x	an..12	Số chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
		<b>Detail</b>						1-n	String	x	None		
			STT					1-1	Number	x	n..2	Số thứ tự hàng hóa trong hóa đơn	
			Ma_Hang					1-1	String	x	an..8	Mã mặt hàng	
			Ten_MatHang					1-1	String	x	un..255	Tên mặt hàng	
			So_Luong					1-1	Number	x	n..4	Số lượng	
			Don_Gia					1-1	Number	x	n..15	Đơn giá	
			Tong_TienHang					1-1	Number	x	n..15	Thành tiền	
			Thue_Suat					1-1	Number	x	n..2	Thuế suất (Đang 5, 5%, 10, 10%)	



Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8							
			Tien_Thue					1-1	Number	x	n..15	Tiền thuế VAT		
			SoLuong_HoanThue					1-1	Number	x	n..4	Số lượng hàng hóa được phép hoàn thuế		
			Sotien_Xacnhanhoan					1-1	Number	x	n..15	Số thuế VAT được hoàn		
			Sotien_Thuctehoan					1-1	Number	x	n..15	Số thuế VAT thực tế đã hoàn		
	<b>Error</b>							1-1		x	None			
		Error_Number						1-1	Number	x	n..4	Mã lỗi		
		Error_Message						1-1	String	x	un..255	Nội dung lỗi		
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None			
		SignedInfo						1-1	String	x	None			
			CanonicalizationMethod					1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu		
			SignatureMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số		
			Reference					1-1	String	x	None			
			Transforms					1-1	String	x	None			
				Transform					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
			DigestMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2	
			DigestValue					1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64	
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp		
		KeyInfo						1-1	String	x	None			
			X509Data					1-1	String	x	None			
			X509IssuerSerial					1-1	String	x	None			
				X509IssuerName					1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber					1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
			X509Certificate					1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
<b>M106 THÔNG ĐIỆP TRA CỨU THÔNG TIN ĐƠN VỊ TÍNH</b>													
<b>Mô tả thông điệp:</b>													
- Chức năng thông điệp: Thông điệp tra cứu danh mục đơn vị tính													
- Thông điệp hỏi: Message Type = 106													
- Thông điệp trả lời: Message Type = 206; ErrorCode= 0;													
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode < 0;													
<b>Customs</b>													
								1-1	String		None		
<b>Header</b>								1-1	String		None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..15	Mã cửa hàng	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M106)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime		an19	Ngày giao dịch YYYY-MM-DD Thh:mm:ss	
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
<b>Data</b>								1-1		x	None		
		Ma_DVT						1-1	String	x	an..50	Mã đơn vị tính  Nếu Ma_DVT rỗng, hệ thống sẽ trả về toàn bộ danh mục đơn vị tính hiện có	
<b>Signature</b>								1-1	String	x	None		
		SignedInfo						1-1	String	x	None		
		CanonicalizationMethod						1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
		SignatureMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
		Reference						1-1	String	x	None		

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8							
				Transforms				1-1	String	x	None			
					Transform				1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod				1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2	
				DigestValue				1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64	
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp		
		KeyInfo						1-1	String	x	None			
		X509Data						1-1	String	x	None			
				X509IssuerSerial				1-1	String	x	None			
					X509IssuerName			1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số		
					X509SerialNumber			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint	
				X509Certificate				1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
<b>M206</b>	<b>TRẢ LỜI KẾT QUẢ TRA CỨU THÔNG TIN ĐƠN VỊ TÍNH</b>												
<b>Mô tả thông điệp:</b>													
- Chức năng thông điệp: Trả lời thông điệp tra cứu danh mục đơn vị tính													
- Thông điệp hỏi: Message Type = 106;													
- Thông điệp trả lời: Message Type = 206; ErrorCode= 0;													
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode < 0;													
<b>Customs</b>								1-1	String	x	None		
	<b>Header</b>							1-1	String	x	None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..6	Mã hải quan	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên hải quan	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M206)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
		Request_ID						1-1	String	x	an..40	Số tham chiếu của giao dịch hỏi	
	<b>Data</b>							1-1	String		None		
		Donvitinh						1-n		x	None		
		Ma_DVT						1-1	String	x	an..50	Mã đơn vị tính	
		Ten_DVT						1-1	String	x	un..255	Tên đơn vị tính	
		Trang_Thai						1-1	Number	x	n..1	Trạng thái sử dụng của danh mục	
	<b>Error</b>							1-1		x	None		
		Error_Number						1-1	Number	x	n..4	Mã lỗi	
		Error_Message						1-1	String	x	un..255	Nội dung lỗi	
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None		
		SignedInfo						1-1	String	x	None		
		CanonicalizationMethod						1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
		SignatureMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
		Reference						1-1	String	x	None		
		Transforms						1-1	String	x	None		
		Transform						1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
		DigestMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
		DigestValue						1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	String	x	None		
		X509Data						1-1	String	x	None		

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
				X509IssuerSerial				1-1	String	x	None		
					X509IssuerName			1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
					X509SerialNumber			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
<b>M107 THÔNG ĐIỆN TRA CỨU THÔNG TIN QUỐC GIA</b>													
<b>Mô tả thông điệp:</b>													
- Chức năng thông điệp: Thông điệp tra cứu danh mục quốc gia													
- Thông điệp hỏi: Message Type = 107;													
- Thông điệp trả lời: Message Type = 207; ErrorCode= 0;													
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode < 0;													
<b>Customs</b>								1-1	String		None		
<b>Header</b>								1-1	String		None		
Message_Version								1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
Sender_Code								1-1	String	x	an..15	Mã cửa hàng	
Sender_Name								1-1	String	x	un..255	Tên Cửa hàng	
Transaction_Type								1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M107)	
Transaction_Name								1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
Transaction_Date								1-1	DateTime		an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
Transaction_ID								1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
<b>Data</b>								1-1		x	None		
Ma_Quocgia								1-1	String		an..50	Mã quốc gia	Nếu Ma_Quocgia rỗng, hệ thống sẽ trả về toàn bộ danh mục quốc gia hiện có
<b>Signature</b>								1-1	String	x	None		
SignedInfo								1-1	String	x	None		

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
			CanonicalizationMethod					1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	String	x	None		
			Transforms					1-1	String	x	None		
			Transform					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
			DigestMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
			DigestValue					1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue					1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp		
		KeyInfo					1-1	String	x	None			
		X509Data					1-1	String	x	None			
		X509IssuerSerial					1-1	String	x	None			
		X509IssuerName					1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số		
		X509SerialNumber					1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint	
		X509Certificate					1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64	

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						

**M207 TRẢ LỜI KẾT QUẢ TRA CỨU THÔNG TIN QUỐC GIA**

**Mô tả thông điệp:**

- Chức năng thông điệp: Thông điệp tra cứu danh mục quốc gia
- Thông điệp hỏi: Message Type = 107;
- Thông điệp trả lời: Message Type = 207; ErrorCode= 0;
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode < 0;

Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
<b>Customs</b>								1-1	String	x	None		
	<b>Header</b>							1-1	String	x	None		
		Message_Version						1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code						1-1	String	x	an..6	Mã hải quan	
		Sender_Name						1-1	String	x	un..255	Tên hải quan	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M207)	
		Transaction_Name						1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	DateTime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	
		Request_ID						1-1	String	x	an..40	Số tham chiếu của giao dịch hỏi	
	<b>Data</b>							1-1	String		None		
		Ma_Quocgia						1-1	String	x	an..50	Mã quốc gia	
		Ten_Quocgia						1-1	String	x	un..255	Tên quốc gia	
		Trang_Thai						1-1	Number	x	n..1	Trạng thái sử dụng của danh mục	
	<b>Error</b>							1-1		x	None		
		Error Number						1-1	Number	x	n..4	Mã lỗi	
		Error_Message						1-1	String	x	un..255	Nội dung lỗi	
	<b>Signature</b>							1-1	String	x	None		
		SignedInfo						1-1	String	x	None		
		CanonicalizationMethod						1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
		SignatureMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
		Reference						1-1	String	x	None		
		Transforms						1-1	String	x	None		



Tên thẻ XML								Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8						
					Transform			1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod				1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
				DigestValue				1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue						1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	String	x	None		
			X509Data					1-1	String	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	String	x	None		
				X509IssuerName				1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Tên thẻ XML									Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9							
M200	TRẢ LỜI KẾT QUẢ CỦA CÁC THÔNG ĐIỆN HỎI THÀNH CÔNG														
<b>Mô tả thông điệp:</b>															
- Chức năng thông điệp: Trả lời kết quả thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin hóa đơn															
- Thông điệp hỏi: Message Type =101,102,103;															
- Thông điệp trả lời: Message Type = 200; ErrorCode= 0;															
Customs									1-1	String	x	None			
	Header								1-1	String	x	None			
		Message_Version							1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)		
		Sender_Code							1-1	String	x	an..6	Mã hải quan		
		Sender_Name							1-1	String	x	un..255	Tên hải quan		
		Transaction_Type							1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M200)		
		Transaction_Name							1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp		
		Transaction_Date							1-1	DateTime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss	
		Transaction_ID							1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch		
		Request_ID							1-1	String	x	an..40	Số tham chiếu của giao dịch hỏi		
	Data								1-1			None			
		So_Tiep_Nhan							1-1	String	x	an..15	Số tiếp nhận		
		Ngay_Tiep_Nhan							1-1	DateTime	x	an10	Ngày tiếp nhận		
	Error								1-1	String	x	None			
		ErrorMessage							1-1	String	x	un..255	Nội dung thông báo của Tổng cục hải quan		
		ErrorNumber							1-1	Number	x	n..5	Mã thông báo của Tổng cục hải quan		
	Signature								1-1	String	x	None			
		SignedInfo							1-1	String	x	None			
			CanonicalizationMethod						1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu		
			SignatureMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số		
			Reference						1-1	String	x	None			

Tên thẻ XML									Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9						
				Transforms					1-1	String	x	None		
				Transform					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod					1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
				DigestValue					1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue							1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo							1-1	String	x	None		
		X509Data							1-1	String	x	None		
		X509IssuerSerial							1-1	String	x	None		
		X509IssuerName							1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
		X509SerialNumber							1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
		X509Certificate							1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Tên thẻ XML									Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9						
M299	TRẢ LỜI KẾT QUẢ CỦA CÁC THÔNG ĐIỆP HỎI CÓ LỖI													
<b>Mô tả thông điệp:</b>														
- Chức năng thông điệp: Trả lời kết quả thông điệp thêm mới hoặc hiệu chỉnh thông tin hóa đơn														
- Thông điệp hỏi: Message Type = 101,102,103;														
- Thông điệp báo lỗi: Message Type = 299; ErrorCode <> 0;														
Customs									1-1	String	x	None		
	Header								1-1	String	x	None		
		Message_Version							1-1	String	x	an..5	Phiên bản thông điệp (1.0)	
		Sender_Code							1-1	String	x	an..6	Mã hải quan	
		Sender_Name							1-1	String	x	un..255	Tên hải quan	
		Transaction_Type							1-1	Number	x	n..3	Loại thông điệp (M299)	
		Transaction_Name							1-1	String	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date							1-1	DateTime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DDT
		Transaction_ID							1-1	String	x	an..40	Mã giao dịch	

Tên thẻ XML									Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9						
		Request ID							1-1	String	x	an..40	Số tham chiếu của giao dịch hỏi	
	<b>Data</b>								1-1			None		
	<b>Error</b>								1-1	String	x	None		
		ErrorMessage							1-1	String	x	un..255	Nội dung thông báo của Tổng cục hải quan	
		ErrorNumber							1-1	Number	x	n..5	Mã thông báo của Tổng cục hải quan	
	<b>Signature</b>								1-1	String	x	None		
		SignedInfo							1-1	String	x	None		
			CanonicalizationMethod						1-1	String	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference						1-1	String	x	None		
			Transforms						1-1	String	x	None		
				Transform					1-1	String	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
			DigestMethod						1-1	String	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	<b>SHA2</b>
			DigestValue						1-1	String	x	an28	Giá trị của hàm băm theo thuật toán sha256	Base64
		SignatureValue							1-1	String	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo							1-1	String	x	None		
		X509Data							1-1	String	x	None		
		X509IssuerSerial							1-1	String	x	None		
		X509IssuerName							1-1	String	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
		X509SerialNumber							1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
		X509Certificate							1-1	String	x	an..4000	Chứng thư số	Base64